UNIT 2: SCHOOL

Lesson 1: p. 14

I. New words:

- *History (n) → historic (a)* — *- Lịch sử → thuộc về lịch sử*
- *P.E (Physical Education)(n)* — *- P.E (Giáo dục thể chất)*
- *I.T (Information Technology) (n)* — *- Công nghệ thông tin*
- *Music(n) → musician (n)* — *- Âm nhạc → nhạc sĩ*
- *Geography (n)* — *- Địa lý*
- *Literature)(n)* — *- Văn học*
- *Physics (n)* — *- Vật lý*
- *Biology (n) → biologist (n)* — *- Sinh học → nhà sinh vật học*
- *favorite (a)* — *- Yêu thích*

Grammar:

+ "and" and "or" for listing in positive and negative statements

Positive	Negative
I like geography. I like geography and biology. She likes literature, biology, and physics. They like literature, biology, physics, geography, and music.	I don't like music. I don't like music or biology. He doesn't like music, I.T., or geography. They don't like music, I.T, geography, music, or P.E.

+ Possessive pronouns: "mine" and "yours"

Without using possessive pronouns- "mine" and "yours"	Using possessive pronouns- "mine" and "yours"
My favorite subject's biology. What is your favorite subject? → My favorite subject's English.	My favorite subject's biology. What is yours? → Mine's English.

Lesson 2 (p. 17)

I. New words:

- *Indoor activity(n)* — *- Hoạt động trong nhà*
- *Outdoor activity(n)* — *- Hoạt động ngoài trời*
- *Act (v) → active (a)* — *- Hành động → năng động*
- *Sign up (v)* — *- Đăng ký*
- *Drama club (n)* — *- Câu lạc bộ kịch*
- *Art and crafts (n)* — *- Nghệ thuật và Thủ công*

II. Grammar :

LIKE + V-ING

E.g: Do you like read**ing** books?

- (like + V-ing nói về việc chúng ta thích làm thường thường xuyên)

How to add ING

Sau phụ âm ***e***: bỏ e thay bằng **ing**	E.g :make -> making
Động từ một âm tiết có tận cùng là 1 phụ âm liền trước là 1 nguyên âm: gấp đôi phụ âm cuối và thêm ING	E.g : swim -> swimming
Không gấp đôi phụ âm cuối khi từ đó kết thúc bằng ***w, x, hay y***	E.g : play -> playing

Exercise

1. *Paint → Painting*
2. *Do outdoor activities → Doing outdoor activities*
3. *Play tennis → Playing tennis*
4. *Swim → Swimming*

Lesson 3: (p. 20)

1. New words :

- *fantasy (a)* — *- kỳ ảo*
- *novel (n) → novelist (n)* — *- tiểu thuyết → người viết tiểu thuyết*
- *mystery (n)* — *- sự bí ẩn, điều huyền bí*
- *adventure (n)* — *- cuộc phiêu lưu*
- *author (n)* — *- tác giả*

Useful language

What's your favorite book?	I like *Harry Potter and the Sorcerer's Stone*.
What kind of book is it?	It's a fantasy novel.
Who's the author?	It's by J.K. Rowling.
Why do you like it?	I think it's very exciting.

READING (p. 21)

1. New words :

- interesting (a) → interest (n)	- thú vị → sự quan tâm
- peaceful (a) → peace (n)	- Hòa bình → sự yên tĩnh
- wind (n) → windy (a)	- Gió → có gió
- think (v) → thought (n)	- suy nghĩ → suy nghĩ
- discover (v) → discovery (n)	- Khám phá
- secret (a)	- Bí mật
- become (v)	- Trở thành
- take care of (v) = look after	- Chăm sóc
- friendship (n) → friendly (a) →unfriendly (a)	- Tình bạn → thân thiện → không thân thiện